

Ths Phan Đố ng Bắ o Linh

Rung nhố (RN) là loố n nhố p thố đố ng gắ p nhố t trong thố c hành lâm sắ ng. Theo Benard Gersh, nó là mắ t trong ba đố i đố ch cắ a nhầ n loố i thố kố 21: suy tim, rung nhố và đắ i thắ o đố đố ng. Rung nhố đố nh hố đố ng đố n khoố ng 1-2% dầ n sắ chung. Nguy cắ phắ t triố n RN tắ ng theo tuố i, vố i mắ c phố biố n đố c tắ n 0,1% đố nhố ng ngố đố i trố đố đố i 55 tuố i, tắ ng lờ n 9,0% đố nhố ng ngố đố i 80 tuố i và già hố n. Nghiờn cắ u Framingham cho thố y nguy cắ đố t quố do RN khố ng phố i bố nh van tim hố u thố p cao hố n 2 lố n bằ ng thố đố ng.

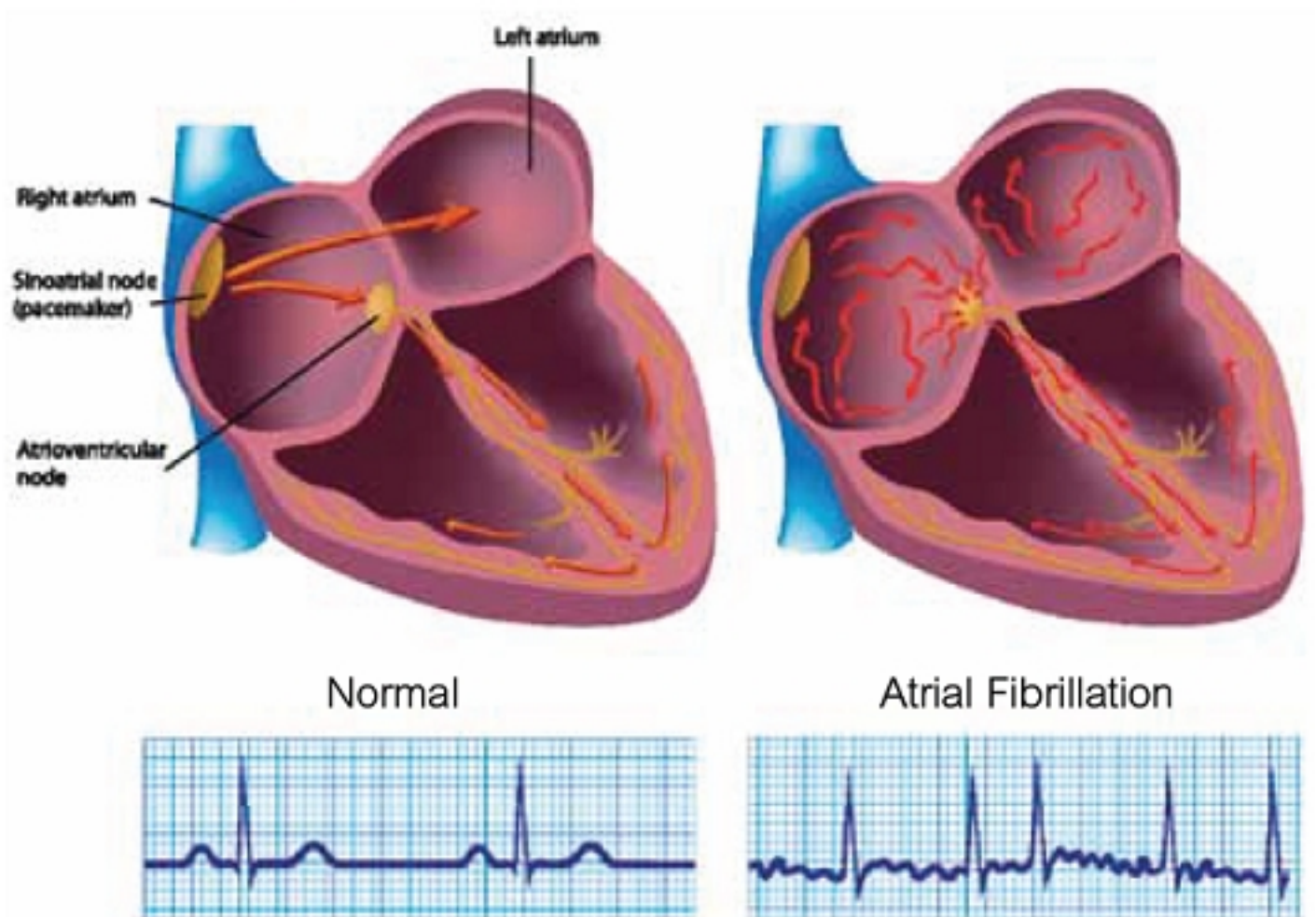
RN gây ổ máu trong tâm nhố trái hoố c tiố u nhố trái, có nguy cắ phắ t triố n huyố t khố i. Tam chố ng Virchow tắ o lố p huyố t khố i: ổ trố máu, rố i loố n chố c nắ ng nố i mắ c và tầ ng trố ng tắ ng đố ng. Vố cắ c huyố t khố i này có thố đố n đố n tắ c đố ng mắ ch, gây thiố u máu cắ c bắ , làm phắ sinh cắ n thiố u máu cắ c bắ thoắ ng qua (transient ischemic attack - TIA) hay đố t quố . RN cắ n hoố c dai đố ng có liờ n quan vố i tắ ng gắ p nắ m lố n nguy cắ đố t quố , và mắ t trong nắ m nguyờn nhầ đố t quố hàng đố u là do RN. Ngoà i ra, đố t quố liờ n quan vố i RN thì nố ng hố n và suy kiố t cắ thố hố n là đố t quố ổ bố nh nhầ nhố p xoang bằ ng thố đố ng.

Các thuốc chống đông máu để phòng đột quỵ trong rung nhĩ

Viết bởi Biên tập viên

Chỉnh sửa, 11 Tháng 11 2012 20:05 - Lần cập nhật cuối Thứ hai, 26 Tháng 11 2012 07:49

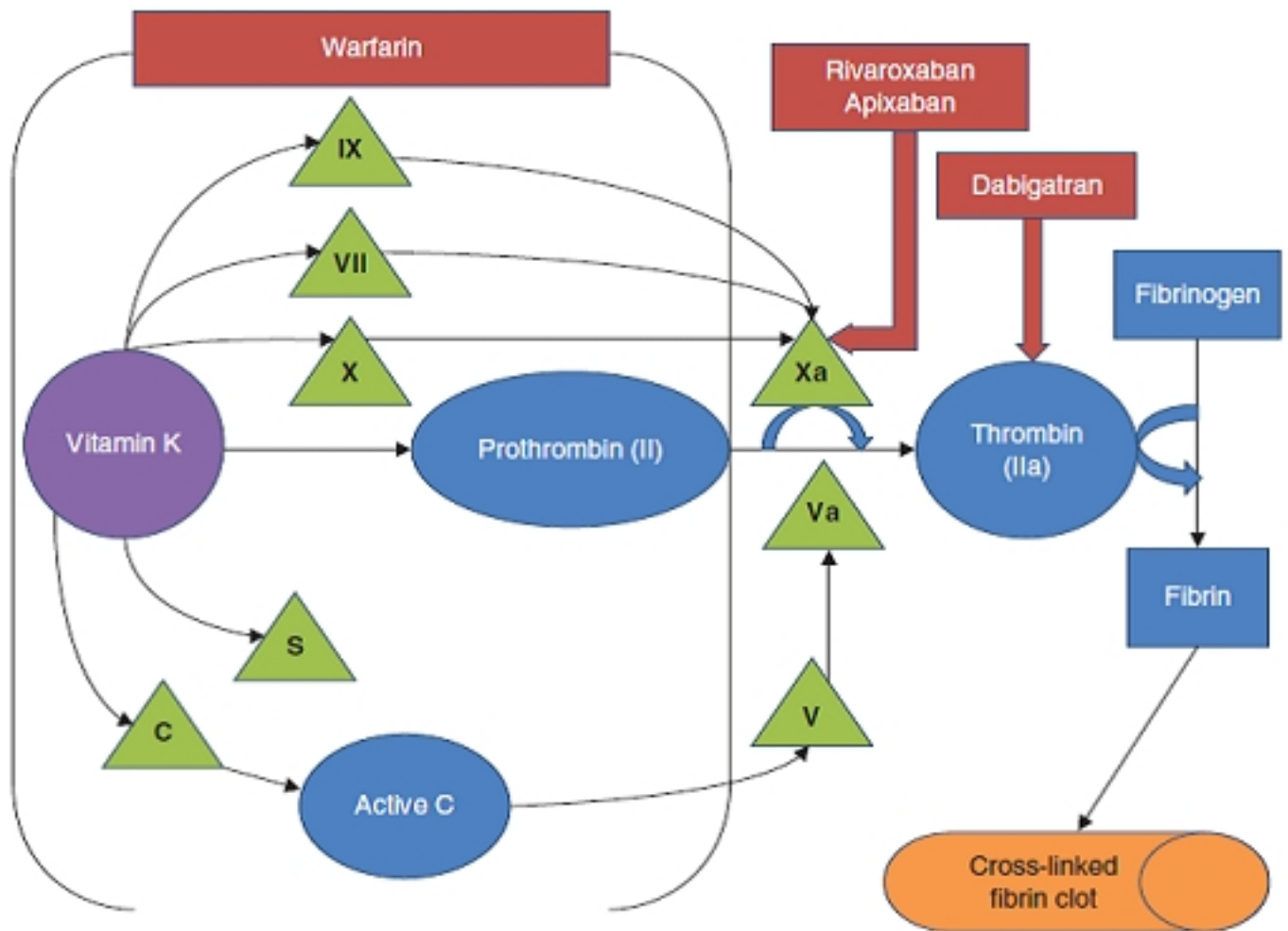
The risk of stroke in patients with atrial fibrillation is increased nearly fivefold.



Các thuốc chống đông máu để phòng đột quỵ trong rung nhĩ

Viết bởi Biên tập viên

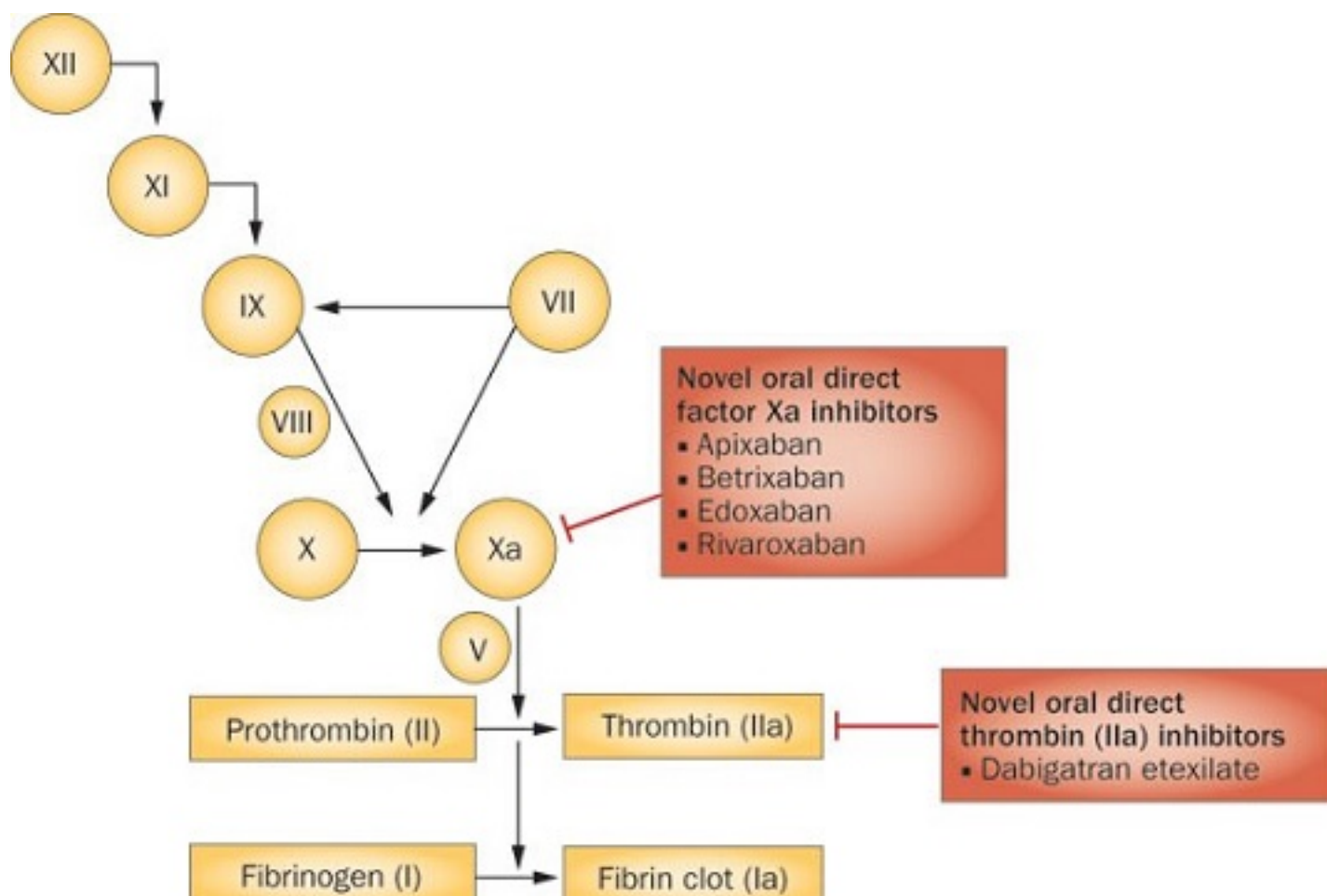
Chỉnh sửa, 11 Tháng 11 2012 20:05 - Lần cập nhật cuối: Thứ hai, 26 Tháng 11 2012 07:49



Các thuốc chống đông máu để phòng đột quỵ trong rung nhĩ

Viết bởi Biên tập viên

Chỉnh sửa, 11 Tháng 11 2012 20:05 - Lần cập nhật cuối, Thứ hai, 26 Tháng 11 2012 07:49



Bảng 1 So sánh đặc điểm bệnh nhân và các biến cố chảy máu

Table 1. Comparison of patient characteristics and bleeding events

	Mean CHADS ₂ score	Mean time-in-therapeutic range for warfarin	Intervention	Major bleeding events	Intracranial hemorrhage
RE-LY ^[21]	2.1	64%	Dabigatran etexilate 110 mg bid	2.71% (RR 0.80; 95% CI 0.69, 0.93; p=0.003)	0.23% (RR 0.31; 95% CI 0.20, 0.47; p<0.001)
			Dabigatran etexilate 150 mg bid	3.11% (RR 0.93; 95% CI 0.81, 1.07; p=0.31)	0.30% (RR 0.40; 95% CI 0.27, 0.60; p<0.001)
			Warfarin ^a	3.36%	0.74%
ROCKET AF ^[20]	3.5	55%	Rivaroxaban 20 mg od ^b	3.6% (HR 1.04; 95% CI 0.90, 1.20; p=0.58)	0.5% (HR 0.67; 95% CI 0.47, 0.93; p=0.02)
			Warfarin ^a	3.4%	0.7%
ARISTOTLE ^[19]	2.1	62%	Apixaban 5 mg bid ^c	2.13% (HR 0.69; 95% CI 0.60, 0.80; p<0.001)	0.33% (HR 0.42; 95% CI 0.30, 0.58; p<0.001)
			Warfarin ^a	3.09%	0.8%

a Adjusted to an INR of 2.0–3.0.

b Renal dose adjustment in ROCKET AF: rivaroxaban 15 mg once daily.

c Renal dose adjustment in ARISTOTLE: apixaban 2.5 mg once daily.

bid = twice daily; CI = confidence interval; HR = hazard ratio; INR = International Normalized Ratio; od = once daily; RR = relative risk.

Aspirin, clopidogrel, prasugrel, ticagrelor, and dipyridole